

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Bà Nguyễn Thị Chấn

2) Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Bà Hoàng Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện GL, Thành phố H.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện GL - Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố H đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 223/2024/HSST, ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVT**, sinh năm 1970 tại H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TT, xã PT, huyện GL, thành phố H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông NVT, sinh năm 1926 (đã chết) và bà NTL, sinh năm 1930; Gia đình có sáu anh chị em, bị cáo là con thứ sáu; có vợ là NTC, sinh năm 1976 và 02 con sinh năm 1994 và 2000; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000545 lập ngày 02/10/2024 tại Công an huyện GL và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị khởi tố tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Chị NTKA, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn ĐT 8, xã DQ, huyện GL, thành phố H (đã chết).

- Đại diện gia đình bị hại:

+ Ông NVT, sinh năm 1959 (bố đẻ của bị hại).

+ Bà LTP, sinh năm 1959 (mẹ đẻ của bị hại).
+ Anh LTD, sinh năm 2001 (con ruột của bị hại).
+ Cháu LMH, sinh năm 2008 (con ruột của bị hại). Người đại diện hợp pháp của cháu Hiếu là Anh LTD – anh trai của Hiếu.

Đều trú tại: Thôn DT 8, xã DQ, huyện GL, thành phố H.

+ Anh LTL, sinh năm 1971; Địa chỉ: Chưa xác định. (chồng bị hại).

Đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại: Anh LTD. Anh Đ vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh TQT, sinh năm 1979; Địa chỉ: số 9 ngách 118/65 ngõ 118 đường YL, thôn PT, xã PT, huyện GL, thành phố H. (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2024, NVT, sinh năm 1970, trú tại: thôn TT, xã PT, huyện GL, thành phố H ký hợp đồng thi công xây dựng nhà ở với anh TQT, sinh năm 1979, địa chỉ: thôn PT, xã PT, huyện GL, thành phố H nội dung: NVT nhận thi công xây dựng nhà cho anh T từ ngày 19/3/2024 đến khi hoàn thiện. NVT thuê (hợp đồng miệng) chị NTKA, sinh năm 1981, trú tại: thôn DT 8, xã DQ, huyện GL, thành phố H làm thợ phụ hồ lao động tại công trình trên với giá công là 300.000 đồng/ ngày và 04 người khác đến lao động tại công trình trên. Tiền công của thợ sẽ được T trực tiếp trả, thông thường vào cuối tháng hoặc khi ứng được tiền của chủ công trình. T không trang bị các thiết bị bảo hộ lao động, không lắp đặt rào chắn, lan can, lưới, sàn đỡ, tấm chắn hay thực hiện biện pháp ngăn ngừa an toàn lao động nào và cũng không lắp biển báo, cảnh báo hay ban hành các nội quy, quy trình về an toàn lao động; không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định. Để phục vụ xây dựng công trình, T chuẩn bị 01 máy tời là 01 mô tô kéo dây tời (loại dây sắt dày 6mm) và 02 trụ tời là loại ống sắt mỗi ống dài khoảng 2,7m phi 4cm, trụ tời lắp đặt trên tầng 3, dây tời được lắp từ đầu máy tời qua trụ tời. T là người trực tiếp điều khiển, vận hành máy tời để chuyển vật liệu từ dưới đất lên trên. Khoảng 7 giờ ngày 19/7/2024, tại công trình xây dựng nhà anh TQT ở thôn PT, xã PT, huyện GL, thành phố H, T phân công công việc cụ thể cho từng người lao động, trong đó chị KA có nhiệm vụ đứng ở sàn ban công tầng 2 đón cát được T vận chuyển qua máy tời từ dưới đất lên. Dụng cụ chứa cát là vỏ bao xi măng được cắt to bản, buộc 04 góc bằng dây thừng và T xúc cát vào vỏ bao xi măng. Khoảng 8 giờ cùng ngày, NVT chuyển bao cát qua máy tời từ dưới lên cho chị KA ở trên sàn ban công tầng 2 đón bao cát. Trong quá trình làm việc, chị KA không có đồ bảo hộ khi lao

động ở trên cao. Khi đưa tay lấy bao cát, chị KA do vô ý, bất cẩn đã mất đà nên bị ngã từ trên sàn ban công tầng 2 xuống dưới đất dẫn đến tử vong.

Vật chứng thu giữ của NVT: 01 mô tơ có chữ “Điện cơ KPT Hưng Trường Phát Co.LTD kèm cuộn dây tời bằng kim loại; 02 ống kim loại hình vuông có cạnh 04cm, dài 2,59cm, đã qua sử dụng.

Ngày 07/8/2024, Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL đã làm việc và nhận toàn bộ hồ sơ cấp phép xây dựng của UBND huyện GL cùng các tài liệu kèm theo việc cấp phép xây dựng của anh PDD – Công chức VPTK UBND xã PT, huyện GL, thành phố H.

* **Khám nghiệm hiện trường:** Ngày 20/7/2024, Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Đoàn thanh tra sở lao động thương binh xã hội thành phố H tổ chức khám nghiệm hiện trường, chụp ảnh, đo vẽ.

Hiện trường chung được xác định tại nhà anh TQT, sinh năm 1979, đăng ký HKTT: số 9 ngách 118/65 ngõ 118 đường YL, thuộc thôn PT, xã PT, huyện GL, thành phố H. Các hướng xác định như sau: Nhà anh T là ngôi nhà đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện với 03 tầng bằng bê tông, cốt thép kiên cố. Cửa chính của ngôi nhà quay hướng Nam ra đường của ngách 118/65 ngõ 118 đường YL và nhìn thẳng ra Nhà văn hóa thôn PT, thuộc thôn PT, xã PT, huyện GL, thành phố H. Phía Đông giáp số nhà 11, phía Tây giáp với phần đất trống của nhà số 7.

Hiện trường cụ thể được xác định tại phần lòng đường của ngách số 118/65 phía trước cửa nhà anh T. Khu vực mặt sàn tầng 2 của nhà anh T nơi vị trí nạn nhân NTKA là khu vực ban công phía trước của phòng ngủ tầng 2 nhìn về phía hướng Nam và trên mái nhà anh T nơi thợ xây có dựng giá bằng kim loại hình chữ “V” lộn ngược có cố định ở hai chân bằng thanh kim loại hàn xuống nền và từ đỉnh của giá sắt này được nối bởi dây thép 6 ghim xuống mặt sàn của mái nhà làm cố định để giữ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, xác định: Vị trí đặt máy tời, nơi anh Tiếp ngồi trực tiếp điều khiển để vận chuyển vật liệu lên tầng 2 nơi chị NTKA đứng đợi sẵn để kéo vật liệu xây dựng (cát) vào khi máy tời lên nằm sát tường nhà số 7 và cách cửa ra vào nhà anh T về phía Nam 5,7m. Máy tời này hoạt động bằng mô tơ điện dạng tự chế, dây cáp loại 0,5cm được cố định vào trục con lăn tại máy tời và vòng quay dọc trên đỉnh của giá đỡ chữ “V” lộn ngược trên mái nhà, sau đó đầu còn lại cố định vào móc thép và cục bê tông dạng trụ tròn phía trên để giữ móc thép. Vị trí nạn nhân NTKA bị ngã từ mặt sàn tầng 2 xuống đường trước cửa nhà anh T khi bắt hụt dây tời cách cửa nhà anh T 1,6m về phía Nam, cách tường rào nhà số 7 về phía tây 2,5m. Tư thế ngã của nạn nhân đầu hướng Tây, chân hướng Đông trong tư thế nằm nghiêng người song song với tường trước cửa nhà anh T. Vị trí nạn nhân NTKA đứng để bắt tời vật liệu xây dựng lên trước khi bị ngã xuống dưới đất ở mặt

sàn tầng 2 của nhà anh T phía ban công trước của mặt sàn tầng 2 rộng 0,6m, cách mép cửa bên phải nhìn từ trong ra 0,4m về phía Đông. Vị trí đặt giá sắt hình chữ “V” lộn ngược trên mái tầng 3 nhà anh T. Hai chân của giá sắt cố định vào tường 20cm ghim sắt hàn cố định dưới chân sắt mép ngoài tường phía Nam của mái, cách mép tường phía Đông 1,8m. Vị trí đầu dây thép 6 được móc cố định vào mặt bê tông của mái nhà cách chân cột 3,5m về phía Bắc còn đầu còn lại cố định.

Tại hiện trường thấy có 01 vỏ của bao xi măng xây dựng đã được buộc túm 04 góc của vỏ bao bằng dây thừng tạo thành quai dùng đồ vật dây dựng vào bên trong và móc dây thừng vào móc của đầu dây cáp tời dùng để vận chuyển vật liệu xây dựng lên trên các tầng trên.

* **Khám nghiệm tử thi:** Ngày 19/7/2024, gia đình nạn nhân NTKA có đơn xin từ chối khám nghiệm mổ pháp y tử thi, từ chối khám ngoài.

Theo Bệnh án của Bệnh viện đa khoa GL cung cấp về thương tích của nạn nhân NTKA như sau:

- Vào viện: 09 giờ 05 phút ngày 19/7/2024. Ra viện: 09 giờ 35 phút ngày 19/7/2024.

- Hôn mê, Glasgow: 3 điểm.

- Da tím tái, mạch không bắt được, huyết áp không đo được. SpO2: 28%

- Ngừng tim, ngừng thở.

- Bụng chướng

- Vết thương thái dương (P) KT (10x3x3)cm biến dạng, máu chảy nhiều.

- Đồng tử hai bên giãn 6mm, không có PSAS.

- Chuẩn đoán: Ngừng tuần hoàn ngoại viện.

* **Kết luận của Đoàn thanh tra Sở lao động – thương binh và xã hội H:** Tại Biên bản điều tra tai nạn lao động số 841/BBĐTTNLLĐ ngày 20/9/2024, của Đoàn điều tra tai nạn lao động thành phố H kết luận:

“...7. Nguyên nhân gây ra tai nạn:

Từ những thông tin, hồ sơ, tài liệu thu thập, Đoàn Điều tra tai nạn lao động Thành phố nhận định: Bà NTKA làm việc tại Công trình, quá trình đứng tại vị trí mép biên của Công trình (độ cao 4,15m so với mặt đất) – là vùng nguy hiểm nhưng không được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, không có các biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp (lắp đặt lan can an toàn, lưới chống rơi, sử dụng dây an toàn, dây cứu sinh...) bị ngã từ trên cao xuống dẫn đến tai nạn. Nguyên nhân do: Người sử dụng lao động không huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, không có biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp; nạn nhân không nhận

thức được mỗi nguy hiểm, rủi ro xảy ra tai nạn ngã cao khi đứng làm việc tại khu vực nguy hiểm để có biện pháp phòng tránh.

8. Kết luận về vụ tai nạn:

Vụ tai nạn hồi 8 giờ 00 phút ngày 19/7/2024 tại khu vực mép biên tầng 2 Công trình là bà NTKA bị tử vong xảy ra trong quá trình bà NTKA lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động vì vậy đây là tai nạn lao động.

9. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý:

9.1. Cá nhân có lỗi:

9.1.1. Ông NVT – Bên thi công trực tiếp, người sử dụng lao động có lỗi:

- Không có biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp đối với công việc thi công tại mép biên Công trình theo Điều 7, Điều 15 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

- Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

9.1.2. Bà NTKA – Nạn nhân: Vô ý, bất cẩn trong quá trình làm việc tại khu vực trên cao, nguy hiểm, đã không nhận thức được rủi ro để có biện pháp phòng tránh phù hợp dẫn đến ngã cao gây tai nạn cho bản thân”.

Quá trình điều tra, NVT thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai nhận của bị cáo Tiếp phù hợp với lời khai những người làm chứng, vật chứng thu giữ, sơ đồ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản điều tra tai nạn lao động và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 211/CT-VKSGL ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL đã truy tố bị cáo NVT phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 điều 295 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo NVT khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng, trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt NVT từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo NVT cho UBND xã PT, huyện GL, thành phố H quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo NVT đã bồi thường cho gia đình chị NTKA số tiền 150.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của gia đình là anh LTĐ đã

nhận số tiền trên và không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm, vì vậy không xem xét giải quyết.

Đối với anh LTL, là chồng của nạn nhân NTKA đã bỏ nhà đi từ năm 2009 đến nay không rõ địa chỉ. Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL đã thông báo trên báo An ninh thủ đô nhưng anh Long không đến làm việc. Vì vậy, nếu anh L có yêu cầu khác về bồi thường dân sự thì đề nghị dành quyền khởi kiện cho anh L bằng vụ án dân sự khác.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo NVT: 01 mô tơ có chữ “Điện cơ KPT Hưng Trường Phát Co.LTD kèm cuộn dây tời bằng kim loại; 02 ống kim loại hình vuông có cạnh 04cm, dài 2,59cm, đã qua sử dụng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo NVT sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện GL truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội làm người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện GL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo NVT thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 8 giờ 00 ngày 19/7/2024, tại công trình xây dựng nhà ở của anh TQT tại thôn PT, xã PT, huyện GL, thành phố H, bị cáo NVT là người sử dụng lao động gồm NTKA và 04 người khác đến lao động tại công trình trên. Bị cáo Tiếp không trang bị các thiết bị bảo hộ lao động, không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định, dẫn đến trong quá trình lao động, chị NTKA do vô ý, bất cẩn khi đỡ bao cát đang vận chuyển từ dưới đất lên qua máy tời đã bị ngã từ sàn ban công tầng 2 xuống dưới mặt đường dẫn đến tử vong.

Trong vụ tai nạn lao động trên, lỗi và nguyên nhân gây ra vụ tai nạn lao động thuộc về bị cáo NVT là bên thi công, người sử dụng lao động không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định; không có biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động phù hợp tại vị trí xảy ra tai nạn (vị trí làm việc tại mép biên công trình) cho người lao động khi làm việc (vi phạm khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 3 Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động; điểm 2.7 QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng ban hành theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng).

Chị NTKA có một phần lỗi vô ý, bất cẩn trong quá trình làm việc tại khu vực trên cao, nguy hiểm, đã không nhận thức được rủi ro để có biện pháp phòng tránh phù hợp dẫn đến ngã từ trên cao xuống gây tai nạn cho bản thân.

[2.2] Hành vi của bị cáo NVT là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn nơi công cộng, xâm phạm đến công tác quản lý Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động, gây hậu quả chết người, nên cần phải được đưa ra xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo NVT đã có hành vi không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động, không có biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp đối với công việc thi công tại mép biên Công trình theo Điều 7, Điều 15 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Về phía nạn

nhân NTKA: Không được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động, trong quá trình làm việc trên sàn tầng 2 công trình (khu vực mép hiên trên cao, nguy hiểm nhưng không có lan can, rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm) không trang bị đồ bảo hộ, dây đai, không nhận thức được rủi ro để có biện pháp phòng tránh phù hợp dẫn đến ngã từ trên cao xuống tầng 1, gây tai nạn dẫn đến tử vong.

Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, thành phố H đã truy tố và kết luận bị cáo NVT phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Bị cáo NVT là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; gia đình bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra cũng xét, bị cáo phạm tội cũng do một phần lỗi của bị hại là chị NTKA, khi lao động trên cao không nhận thức được nguy hiểm, do bất cẩn trong quá trình làm nên đã xảy ra tai nạn. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn. Thấy bị cáo NVT có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với những người phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhằm tạo điều kiện để bị cáo làm người có ích cho xã hội, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giáo dục là đủ. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, việc bị cáo hưởng án treo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa phương.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh LTT là người nhận ủy quyền của gia đình bị hại xác định đã nhận đủ tiền bồi thường từ bị cáo NVT, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với anh LTL, là chồng của nạn nhân NTKA: Quá trình điều tra, xác minh thể hiện anh L đã bỏ nhà đi từ năm 2009 đến nay không rõ địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng đã đăng thông báo trên báo An ninh thủ đô các ngày 26/9/2024, 21/10/2024 và 23/10/2024 nhưng anh L vẫn không đến làm việc. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh LTL, cần dành cho anh L quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu về việc bồi thường dân sự.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo NVT: 01 mô tơ có chữ “Điện cơ KPT Hưng Trường Phát Co.LTD kèm cuộn dây tời bằng kim loại; 02 ống kim loại hình vuông có cạnh 04cm, dài 2,59cm, đã qua sử dụng. Đây là các dụng cụ phục vụ cho việc xây dựng công trình, không phải vật cấm sử dụng hay cấm lưu hành. Sự việc xảy ra nằm ngoài mong muốn của cả bị cáo và bị hại. Đây cũng không phải là công cụ, phương tiện trực tiếp gây nên tai nạn đối với chị NTKA, vì vậy, trả lại cho bị cáo những vật chứng trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với anh TQT (là chủ đầu tư xây dựng công trình nhà ở), qua điều tra xác định: Công trình của anh T được cấp giấy phép xây dựng theo quy định, anh T không phải là người sử dụng lao động theo Luật an toàn, vệ sinh lao động, do vậy Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL không xử lý hình sự đối với anh TQT là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo NVT phạm tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Áp dụng các Điều 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt bị cáo NVT 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/11/2024.

Giao bị cáo NVT cho UBND xã PT, huyện GL, thành phố H quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo NVT: 01 mô tơ có chữ “Điện cơ KPT Hưng Trường Phát Co.LTD kèm cuộn dây tời bằng kim loại; 02 ống kim loại hình vuông có cạnh 04cm, dài 2,59cm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện GL, thành phố H, có tình trạng, đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/11/2024 giữa Công an huyện GL và Chi cục thi hành án dân sự huyện GL, thành phố H).

3. Về dân sự: Không.

Dành cho anh LTL quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu về việc bồi thường dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú
(thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện GL;
- Công an huyện GL
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP H;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP H;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện GL
- Sở Tư Pháp thành phố H
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc